

THỰC ĐƠN BÁN TRÚ NĂM HỌC 2025 - 2026

Từ ngày 15/09/2025 đến ngày 19/09/2026

Trường tiểu học Gia Lương		Tuần 2 tháng 9 năm học 2025-2026									
Thứ/ngày	STT	Món ăn	Diễn giải	Định lượng(gr)	Đơn giá	Thành Tiền	TP Chính/ HS	Kcalo	Chi phí phụ		TỔNG
Thứ 2/15-09	1	Thịt kho tàu	Thịt lợn móng vai	67	120,000	8,040			Chất đốt	1,000	
	2	Trứng đảo tỏi	Trứng vịt	40	60,000	2,400			Nhân công	2,000	
	3	Canh mồng toi nấu	Mồng toi	35	18,000	630			Thuế	1,482	
			Tép	6	160,000	960			Khấu hao	300	
	4	Cơm trắng	Gạo tẻ	110	18,000	1,980					
	5		Rau thơm	5.95	35,000	208					
	6		Gia vị các loại	10	100,000	1,000					
		Tổng				15,218				4,782	20,000
Thứ/ngày	STT	Món ăn	Diễn giải	Định lượng(gr)	Đơn giá	Thành Tiền	TP Chính/ HS	Kcalo	Chi phí phụ		TỔNG
	1	Thịt gà xé rim	Gà CN bỏ cđcc	80	85,000	6,800			Chất đốt	1,000	
	2	Đậu xốt cà chua	Đậu phụ	55	32,000	1,760			Nhân công	2,000	
			Cà chua	18	20,000	360			Thuế	1,482	

Thứ 3/ 16-09	3	Canh bí xanh nấu	Bí xanh	60	18,000	1,080			Khấu hao	300	
			Gà	25	85,000	2,125					
	4	Cơm trắng	Gạo tẻ	110	18,000	1,980					
	5		Rau thơm	3.24	35,000	113					
	6		Gia vị các loại	10	100,000	1,000					
		Tổng				15,218				4,782	20,000
Thứ/ngày	STT	Món ăn	Diễn giải	Định lượng(gr)	Đơn giá	Thành Tiền	TP Chính/HS	Kcalo	Chi phí phụ		TỔNG
Thứ 4/17- 09	1	Giò lợn	Giò lợn	60	140,000	8,400			Chất đốt	1,000	
	2	Bắp cải cà rốt xào	Bắp cải cà rốt	40	18,000	720			Nhân công	2,000	
			Thịt lợn mỡ ng va	7	120,000	840			Thuế	1,482	
	3	Canh bí đỏ nấu xương	Bí đỏ	55	17,000	935			Khấu hao	300	
			thịt lợn mỡ ng va	10	120,000	1,200					
	4	Cơm trắng	Gạo tẻ	110	18,000	1,980					
	5		Rau thơm	4.08	35,000	143					
	6		Gia vị các loại	10	100,000	1,000					
		Tổng				15,218				4,782	20,000
Thứ/ngày	STT	Món ăn	Diễn giải	Định lượng(gr)	Đơn giá	Thành Tiền	TP Chính/HS	Kcalo	Chi phí phụ		TỔNG
	1	Cá rô phi lọc chiên	Cá rô phi phi lê	70	120,000	8,400			Chất đốt	1,000	
	2	Đậu vớt cà chua	Đậu phụ	50	32,000	1,600			Nhân công	2,000	

Thứ 5/18-09	2	Dầu xốt cà chua	Cà chua	10	20,000	200			Thuế	1,482	
	3	Canh cải thảo nấu	Cải thảo	35	18,000	630			Khấu hao	300	
			Thịt lợn móng vai	10	120,000	1,200					
	4	Cơm trắng	Gạo tẻ	110	18,000	1,980					
	5		Rau thơm	5.95	35,000	208					
	6		Gia vị các loại	10	100,000	1,000					
		Tổng				15,218				4,782	20,000
Thứ/ngày	STT	Món ăn	Diễn giải	Định lượng(g)	Đơn giá	Thành Tiền	TP Chính/HS	Kcalo	Chi phí phụ		TỔNG
Thứ 6/19-09	1	Thịt băm rang	Thịt lợn móng vai	65	120,000	7,800			Chất đốt	1,000	
	2	Xúc xích chiên	Xúc xích CP	30	90,000	2,700			Nhân công	2,000	
	3	Canh khoai tây nấu	Khoai tây	52	18,000	936			Thuế	1,482	
			Xương lợn	8	85,000	680			Khấu hao	300	
	4	Cơm trắng	Gạo tẻ	110	18,000	1,980					
	5		Rau thơm	3.48	35,000	122					
	6		Gia vị các loại	10	100,000	1,000					
		Tổng				15,218				4,782	20,000



Hiệu Trưởng Duyệt

Phạm Thị Lý

Người Lập Thực Đơn

Nguyễn Thị Hải Yến

Tổng tiền	100,001
5 ngày	5
thành tiền 1 suất	20,000

STT	THU 2 (Ngày 15/09/2025)	THU 3 (Ngày 16/09/2025)	THU 4 (Ngày 17/09/2025)	THU 5 (Ngày 18/09/2025)

THU 6 (Ngày 19/09/2025)